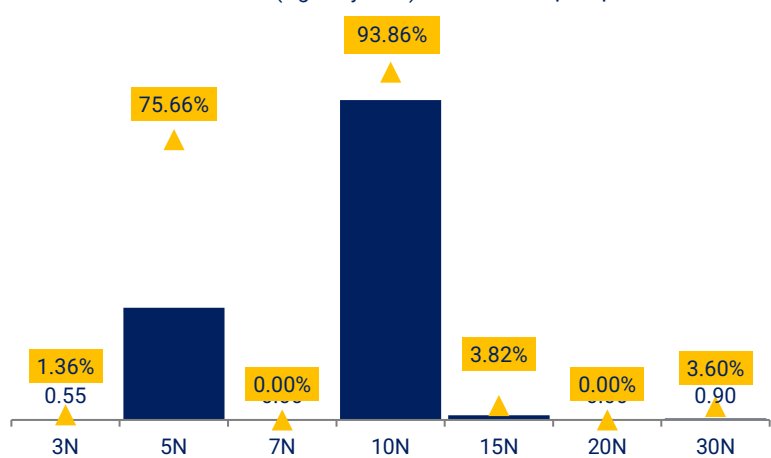
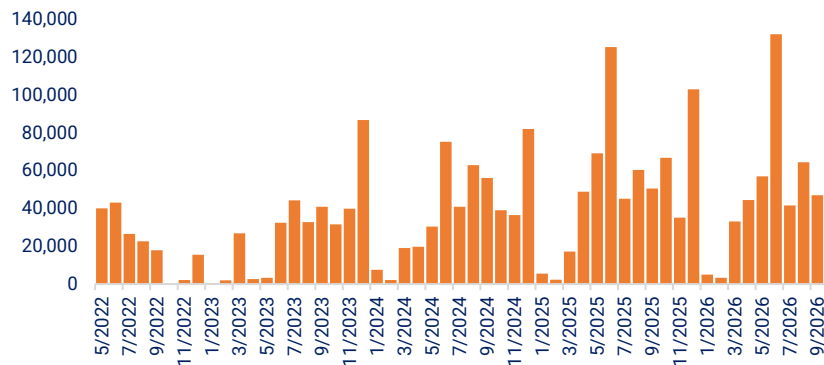


**GTPH TPCP theo Kỳ hạn (YTD)**

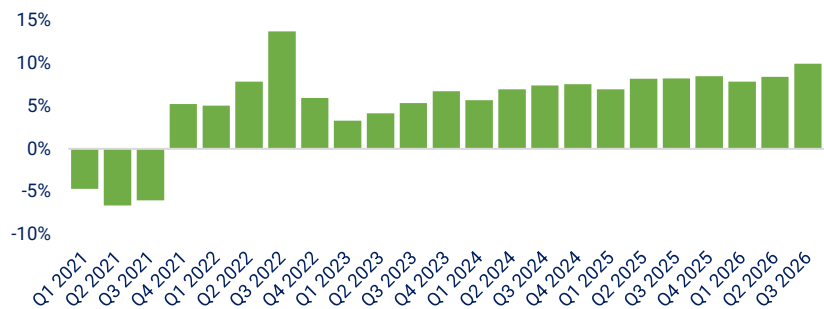
■ Phát hành (Nghìn tỷ VND) ▲ % thực hiện KH năm



**Giá trị phát hành TPDN (tỷ VND)**



**Tăng trưởng GDP**



**THỊ TRƯỜNG SƠ CẤP TPCP**

Trong tháng 9/2026, Kho bạc Nhà nước đã tổ chức 25 phiên đấu thầu trái phiếu Chính phủ với tổng giá trị gọi thầu (GTGT) là 110,500 tỷ đồng, tỷ lệ trúng thầu là 60.9%.

**THỊ TRƯỜNG THỨ CẤP TPCP**

Giá trị giao dịch thông thường (Outright) là 285,645 tỷ đồng (tăng 22.2% so với tháng trước) và giao dịch mua bán lại (Repo) là 149,882 tỷ đồng (tăng 36.6% so với tháng trước). Lợi suất TPCP Việt Nam (theo phòng chào giá VBMA) tiếp tục tăng nhẹ trong tháng 9, chủ yếu ở các nhóm kỳ hạn trung bình.

**THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP**

Theo dữ liệu do VBMA tổng hợp từ HNX và SSC, tính đến ngày công bố thông tin 30/9/2026, trong tháng 9/2026 đã có 38 đợt phát hành trái phiếu với tổng giá trị 47,107 tỷ đồng. Trong đó, 33 đợt phát hành riêng lẻ đạt 42,190 tỷ đồng và 5 đợt phát hành ra công chúng đạt 4,917 tỷ đồng. Giá trị giao dịch TPDN riêng lẻ trong tháng 9/2026 đạt 148,581 tỷ đồng, bình quân đạt 7,429 tỷ đồng/phiên.

**KINH TẾ VĨ MÔ**

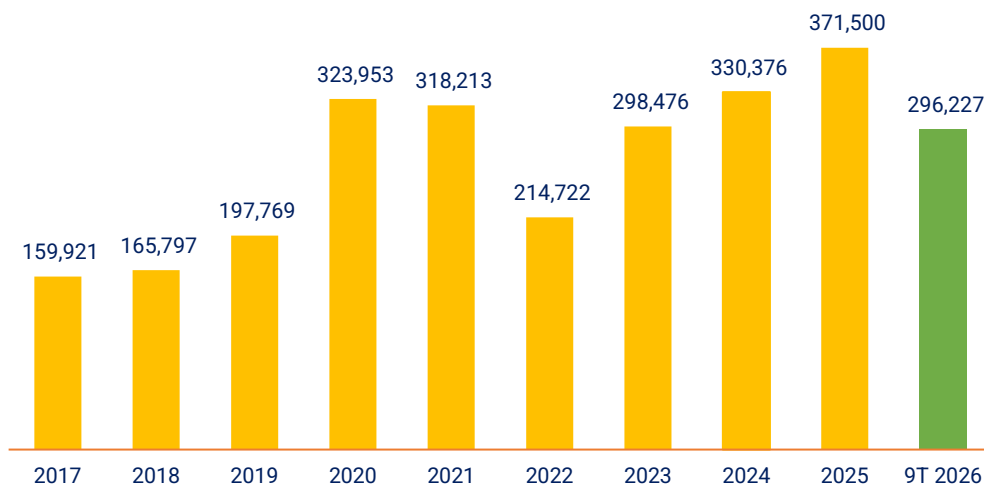
CPI tháng 9 tăng 5.08% so với cùng kỳ năm trước và tăng 0.62% so với tháng trước.

Tính đến cuối tháng 9 năm 2026, FDI đăng ký đạt 50.36 tỷ USD, tăng 76.4% so với cùng kỳ 2025, FDI giải ngân tăng 12.1% lên 21.07 tỷ USD. Giá trị giải ngân vốn đầu tư công từ đầu năm ước đạt 642,962 tỷ đồng, hoàn thành 62.9% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao cả năm (1,022,607 tỷ đồng).

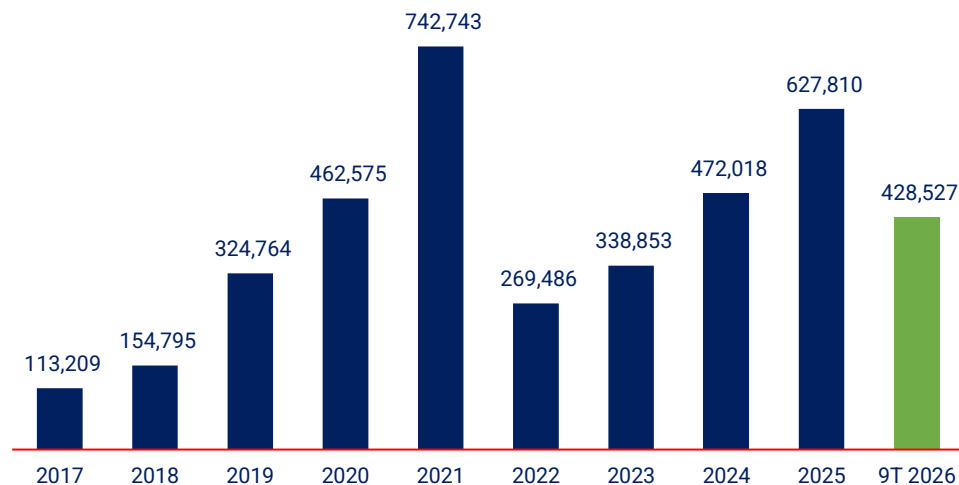
PMI ngành sản xuất Việt Nam tháng 9/2026 giảm từ 53.3 điểm xuống 51.9 điểm.

Trong tháng 9, xuất khẩu hàng hoá ước đạt 59.477 tỷ USD, tăng 8.5% so với tháng trước; nhập khẩu ước đạt 58.207 tỷ USD, tăng 6.0% so với tháng trước. Cán cân thương mại tháng 9 xuất siêu 1.271 tỷ USD.

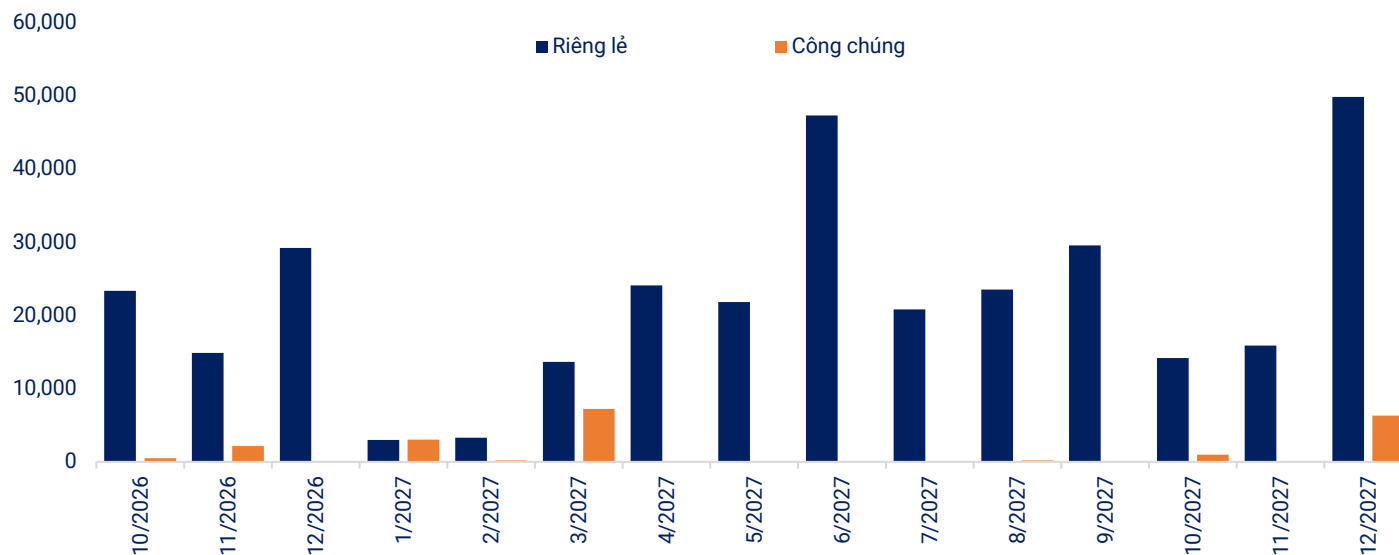
**Giá trị phát hành trái phiếu Chính phủ (tỷ đồng)**



**Giá trị phát hành trái phiếu doanh nghiệp (tỷ đồng)**



**Giá trị TPDN đáo hạn**

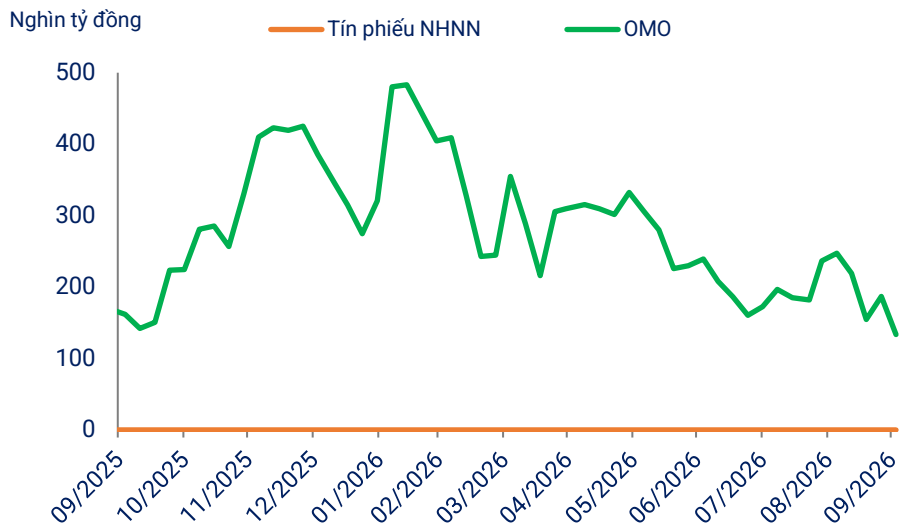


\*Số liệu phát hành được tính đến hết ngày 30/09/2026 và có thể thay đổi theo việc công bố thông tin trên chuyên trang của HNX.

**Lãi suất liên ngân hàng:** Trong tháng 9/2026, lãi suất liên ngân hàng có nhiều biến động, chủ yếu ở các kỳ hạn dưới 1 tháng. Lãi suất qua đêm và 1 tuần giảm trong tuần đầu tháng, sau đó tăng trở lại và duy trì ở mức tương đối cao trong khoảng giữa tháng. Sang tuần cuối, lãi suất qua đêm giảm về mức thấp nhất trong tháng, trước khi tăng trở lại vào phiên 30/9 khi nhu cầu vốn của các tổ chức tín dụng tăng vào thời điểm cuối quý. Lãi suất các kỳ hạn từ 1 tháng trở lên ít biến động hơn và không ghi nhận xu hướng rõ rệt trong tháng.

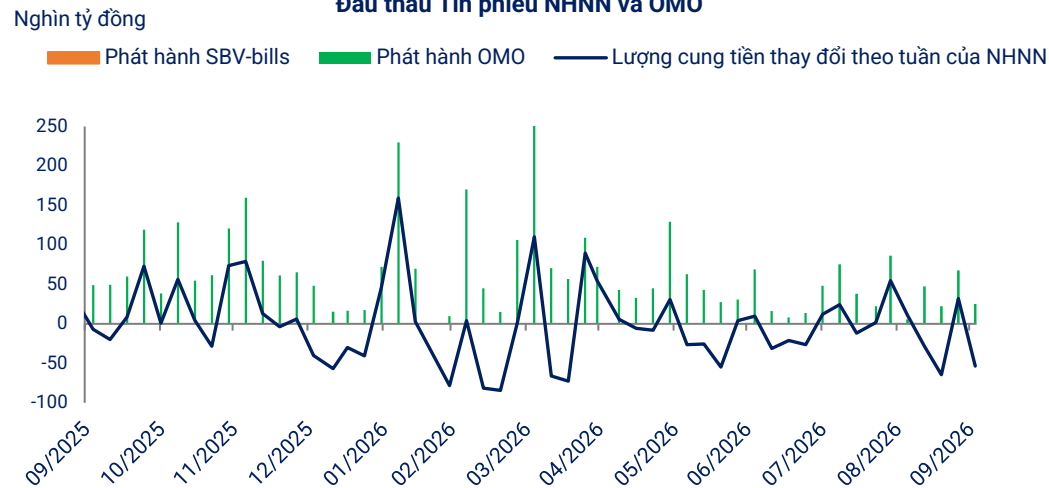
**Nghiệp vụ thị trường mở:** Trong tháng 9, NHNN tiếp tục không phát hành tín phiếu và duy trì cung ứng thanh khoản qua kênh OMO, với tổng giá trị mua GTCG đạt 167,328 tỷ đồng, giảm 28% so với tháng 8. Tuy nhiên, giá trị OMO đáo hạn trong tháng ở mức 253,537 tỷ đồng, lớn hơn lượng phát hành mới, khiến NHNN hút ròng 86,209 tỷ đồng qua kênh này. Theo đó, quy mô OMO lưu hành giảm so với tháng trước, về mức gần 150 nghìn tỷ đồng vào cuối tháng.

**Giá trị lưu hành của Tín phiếu NHNN và OMO**



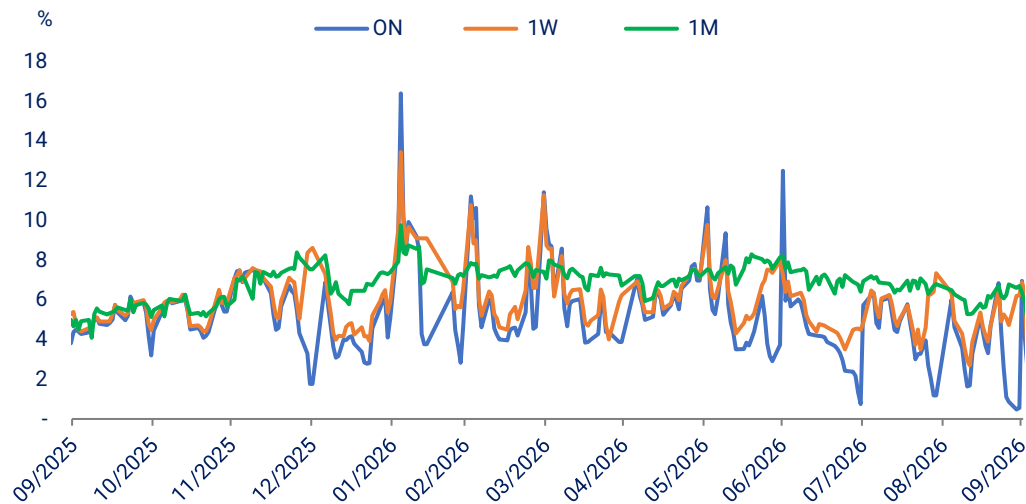
Nguồn: SBV, VBMA

**Đấu thầu Tín phiếu NHNN và OMO**



Nguồn: SBV, VBMA

**Bình quân lãi suất liên ngân hàng**



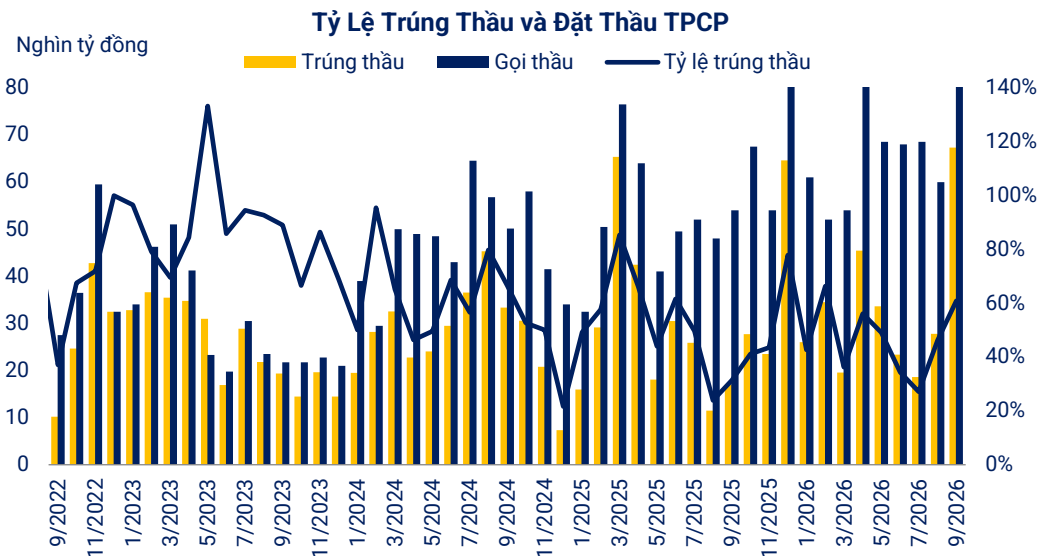
Nguồn: SBV, VBMA

Trong tháng 9/2026, Kho bạc Nhà nước đã tổ chức 25 phiên đấu thầu trái phiếu Chính phủ với tổng giá trị gọi thầu (GTGT) là 110,500 tỷ đồng, tỷ lệ trúng thầu là 60.9%.

KBNN gọi thầu các kỳ hạn 3, 5, 10, 15, và 30 năm. Trong đó, kỳ hạn 10 năm chiếm 61.8% giá trị trúng thầu (GTTT) đạt 41,569 tỷ đồng (tỷ lệ trúng thầu/gọi thầu đạt 65.0%). Kỳ hạn 5 năm trúng thầu 25,651 tỷ đồng (tỷ lệ trúng thầu/gọi thầu đạt 69.3%) và kỳ hạn 30 năm trúng thầu 85 tỷ đồng (tỷ lệ 3.4%). Kỳ hạn 3 năm và 15 năm không trúng thầu.

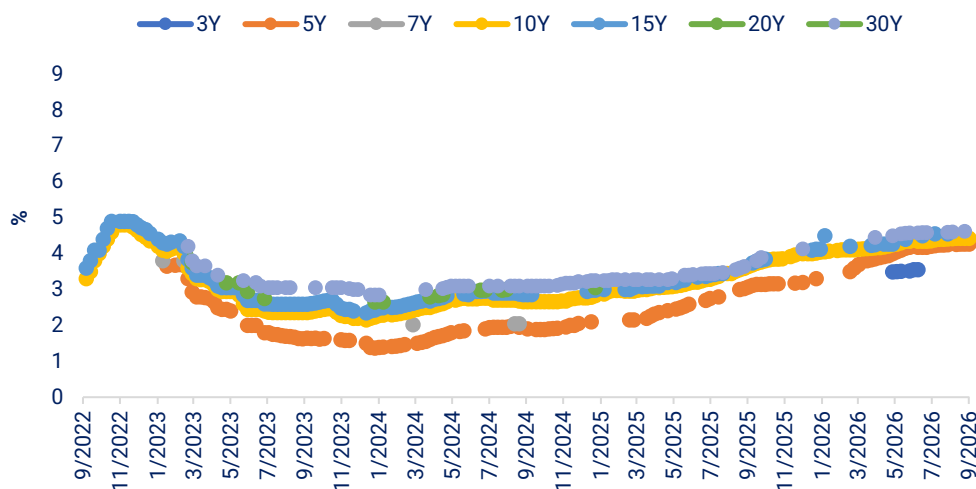
Kỳ hạn phát hành bình quân tháng 9 là 8.12 năm. Lãi suất trúng thầu trung bình đạt 4.37%/năm, tăng so với mức 4.32% trong tháng 8/2026.

Tổng giá trị TPCP phát hành thông qua đấu thầu trong 9 tháng đầu năm 2026 là 296,227 tỷ đồng, đạt 59.2% kế hoạch cả năm (500,000 tỷ đồng). Trong đó, giá trị TPCP phát hành trong Quý III đạt 94.7% kế hoạch quý (120,000 tỷ đồng).



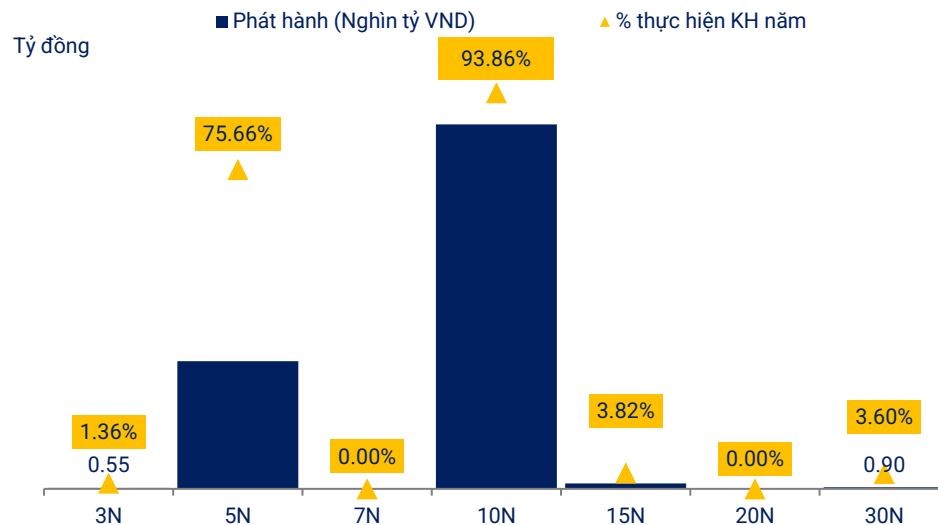
Nguồn: HNX, VBMA

**Diễn biến lãi suất trúng thầu**



Nguồn: HNX, VBMA

**GTPH TPCP theo kỳ hạn (YTD)**



Nguồn: HNX, VBMA

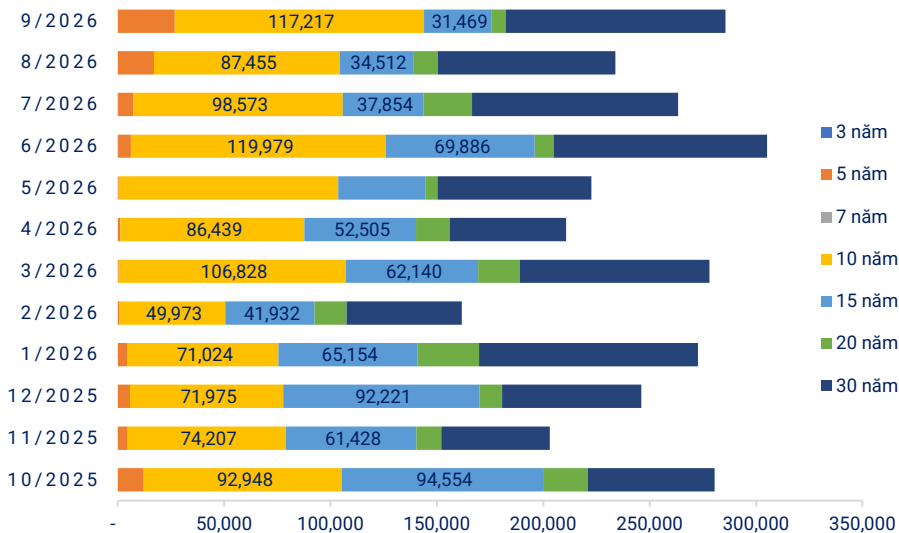
**Giá trị giao dịch thông thường (Outright) là 285,645 tỷ đồng (tăng 22.2% so với tháng trước) và giao dịch mua bán lại (Repo) là 149,882 tỷ đồng (tăng 36.6% so với tháng trước).**

Thanh khoản trung bình/ngày của giao dịch Outright ở mức 14,282 tỷ đồng và của giao dịch Repo là 7,494 tỷ đồng, lần lượt tăng 22.2% và 36.6% so với cùng kỳ tháng trước.

Trái phiếu kỳ hạn 10 năm, 15 năm và 30 năm chiếm phần lớn giá trị giao dịch trên thị trường thứ cấp, lần lượt là 41%, 11% và 36% trên tổng số 285,645 tỷ đồng.

Nhà đầu tư nước ngoài bán ròng 79 tỷ đồng TPCP trong tháng 9/2026, đưa lượng bán ròng của khối ngoại năm 2026 lên 5,161 tỷ đồng.

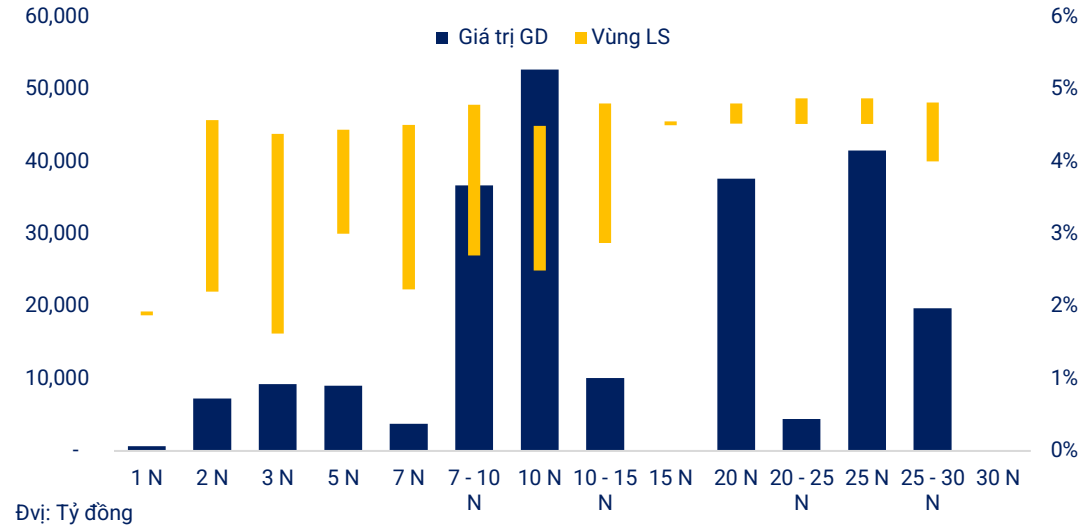
#### Giá trị giao dịch theo kỳ hạn



Đơn vị: Tỷ đồng

Nguồn: HNX, VBMA

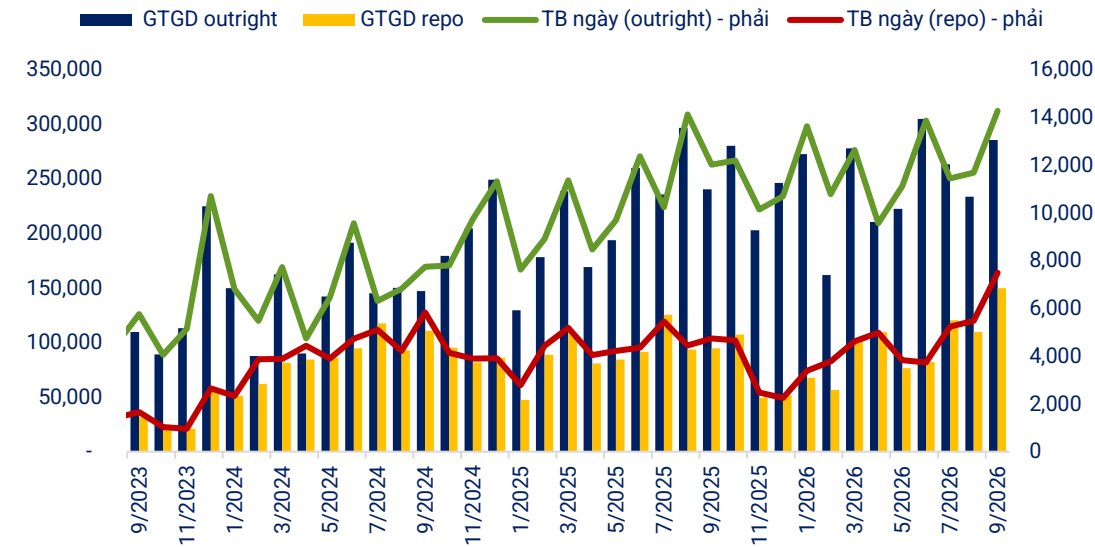
#### Giá trị và vùng lợi suất GD TPCP theo kỳ hạn còn lại trong tháng



Đơn vị: Tỷ đồng

Nguồn: HNX, VBMA

#### Diễn biến GD Outright và Repo theo tháng



Đơn vị: Tỷ đồng

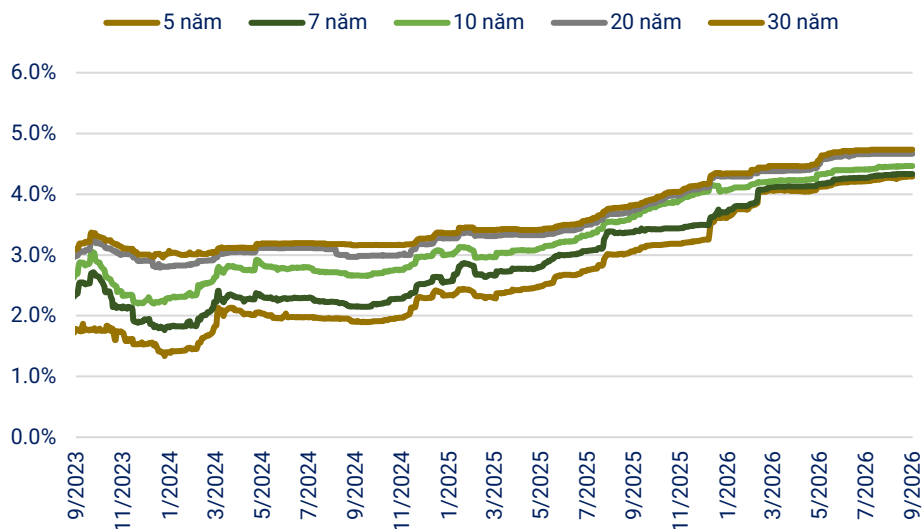
Nguồn: HNX, VBMA

### Lợi suất TPCP Việt Nam (theo phòng chào giá VBMA) tiếp tục tăng nhẹ trong tháng 9, chủ yếu ở các nhóm kỳ hạn trung bình.

Trên thị trường thứ cấp, lợi suất TPCP trong tháng 9/2026 tăng nhẹ tại tất cả các kỳ hạn so với cuối tháng trước, chủ yếu ở nhóm kỳ hạn trung bình 5–10 năm, trong khi các kỳ hạn dài từ 15 năm trở lên gần như đi ngang. Lợi suất kỳ hạn 10 năm đóng cửa tháng ở mức 4.461%/năm. Mặt bằng lợi suất hiện đã cao hơn khoảng 87–126 điểm cơ bản so với cùng kỳ năm trước, mạnh nhất tại kỳ hạn 5 năm.

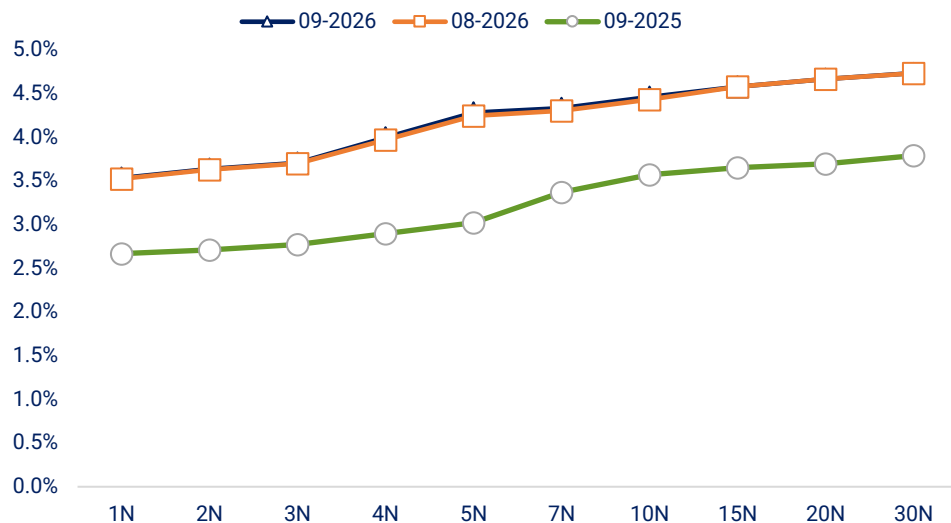
Chênh lệch lợi suất TPCP Việt Nam – Mỹ tiếp tục nới rộng theo chiều âm trên toàn bộ các kỳ hạn, với tốc độ gia tăng rõ rệt hơn vào nửa cuối tháng. Chênh lệch kỳ hạn 10 năm khép lại tháng ở mức -0.82%, sâu hơn đáng kể so với mức -0.28% cuối tháng 8, trong khi các kỳ hạn 2–3 năm duy trì mức chênh lệch âm lớn nhất (lần lượt -1.24% và -1.29%). Trong bối cảnh lợi suất TPCP trong nước biến động không đáng kể, diễn biến này chủ yếu xuất phát từ đà tăng của lợi suất TPCP Mỹ.

### Diễn biến lợi suất TPCP - TT thứ cấp



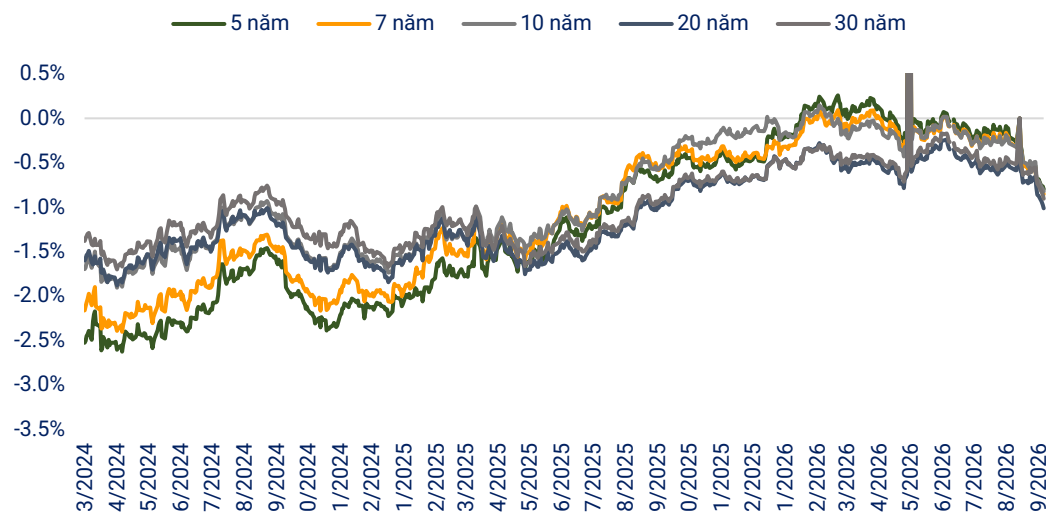
Nguồn: VBMA

### Biến động lợi suất



Nguồn: VBMA

### Chênh lệch lợi suất Việt Nam - Mỹ



Nguồn: US Dept. Treasury, VBMA

### Trái phiếu doanh nghiệp phát hành trong năm 2026:

Theo dữ liệu do VBMA tổng hợp từ HNX và SSC, tính đến ngày công bố thông tin 30/9/2026, trong tháng 9/2026 đã có 38 đợt phát hành trái phiếu với tổng giá trị 47,107 tỷ đồng. Trong đó, 33 đợt phát hành riêng lẻ đạt 42,190 tỷ đồng và 5 đợt phát hành ra công chúng đạt 4,917 tỷ đồng. Trong 9 tháng đầu năm 2026, tổng giá trị phát hành trái phiếu doanh nghiệp đạt 428,527 tỷ đồng, trong đó 370,572 tỷ đồng được phát hành riêng lẻ và 57,955 tỷ đồng được phát hành ra công chúng.

Trong tháng 9, các doanh nghiệp đã mua lại 17,934 tỷ đồng trái phiếu trước hạn, giảm 56% so với cùng kỳ năm 2025. Trong 3 tháng còn lại của năm 2026, giá trị đáo hạn ước tính là 70,035 tỷ đồng. Về tình hình công bố thông tin bất thường, có 3 mã trái phiếu chậm trả lãi, gốc phát sinh mới trị giá 167.8 tỷ lãi và 1 mã trái phiếu gia hạn ngày đáo hạn.

Trên thị trường thứ cấp, tổng giá trị giao dịch TPDN riêng lẻ trong tháng 9/2026 đạt 148,581 tỷ đồng, bình quân đạt 7,429 tỷ đồng/phiên, tăng 15% so với bình quân tháng 8/2026.

*\*Dữ liệu do VBMA tổng hợp được ghi nhận theo ngày phát hành trái phiếu và ngày thực hiện mua lại từ chuyên trang của HNX. Dữ liệu trên có thể được thay đổi theo việc công bố thông tin trên chuyên trang của HNX. Dữ liệu trong báo cáo được cập nhật đến hết ngày công bố thông tin 30/09/2026.*

### Kế hoạch phát hành sắp tới

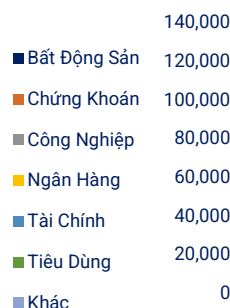
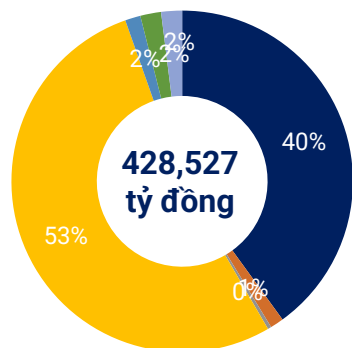
#### **CT Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện Lực (EVF)**

HDQT CT Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện Lực (EVF) đã thông qua phương án phát hành trái phiếu quốc tế năm 2026, tối đa 300 triệu USD. Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có TSĐB, mệnh giá dự kiến 200 nghìn USD/trái phiếu, kỳ hạn từ 3 năm, lãi suất kết hợp cố định và thả nổi.

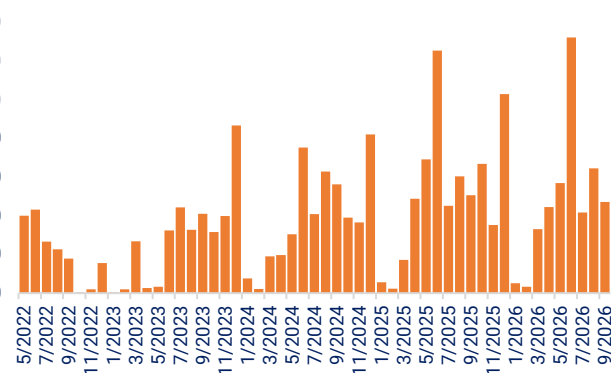
#### **CTCP Chứng khoán Rồng Việt (VDS)**

HDQT CTCP Chứng khoán Rồng Việt (VDS) đã thông qua phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ năm 2026, tối đa 800 tỷ đồng. Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có TSĐB, mệnh giá dự kiến 100 triệu đồng/trái phiếu, kỳ hạn tối đa 1 năm, lãi suất cố định 9.7%/năm.

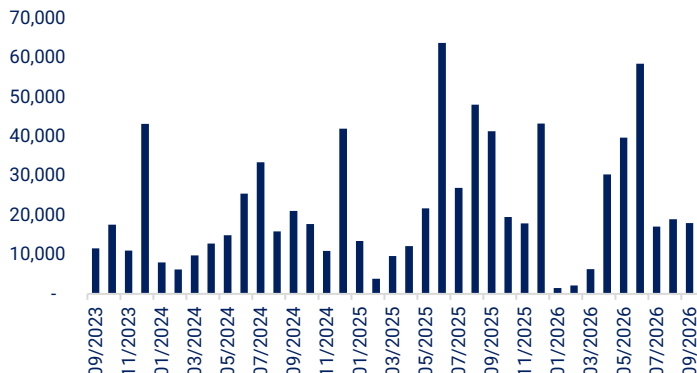
**Giá trị phát hành theo nhóm ngành 2026**



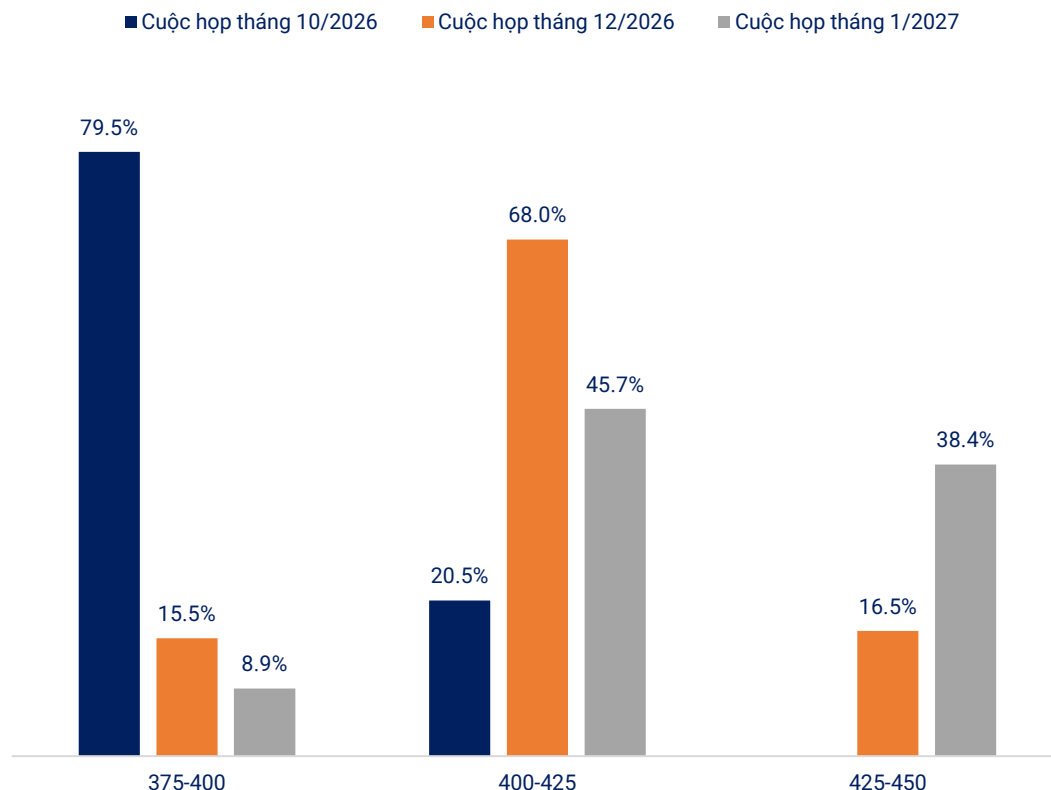
**Giá trị phát hành TPDN (tỷ VND)**



**Giá trị mua lại TPDN**



### Kỳ vọng thị trường về lãi suất Fed



Nguồn: CME

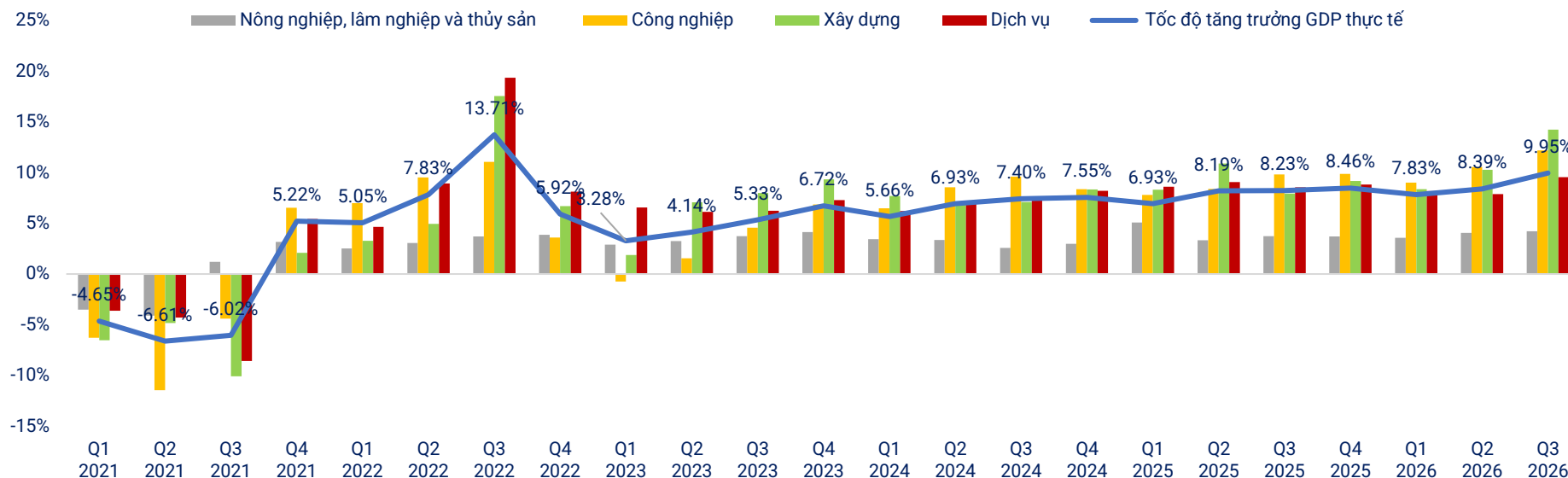
Tại cuộc họp ngày 15-16/9, Fed tăng lãi suất 25 điểm cơ bản, từ 3.50-3.75% lên 3.75-4.00%, lần tăng đầu tiên kể từ năm 2023, với biểu quyết nhất trí 12-0. Trước đó, tại cuộc họp ngày 29/7, Fed giữ nguyên lãi suất với tỷ lệ 9-3, trong đó ba thành viên bỏ phiếu ủng hộ tăng. Dự báo trung vị cho lãi suất cuối năm 2026 là 4.125%, tăng từ 3.8% trong dự báo tháng 6, và 12 trong 18 quan chức kỳ vọng thêm một lần tăng 25 điểm cơ bản trong năm nay.

Tương tự, ECB tại cuộc họp ngày 10/9 tăng cả ba lãi suất chủ chốt thêm 25 điểm cơ bản, đưa lãi suất tiền gửi lên 2.50% (có hiệu lực từ 16/9), là lần tăng thứ hai trong năm sau lần tăng hồi tháng 6. Lạm phát Eurozone tháng 9 ước tính tăng lên 3.8% (từ 3.2% trong tháng 8), mức cao nhất kể từ tháng 9/2023 và cao hơn mức dự báo 3.6% của thị trường, chủ yếu do giá năng lượng tăng 18.8% (từ 14.3%). Lạm phát lõi (loại trừ năng lượng, thực phẩm, đồ uống có cồn và thuốc lá) ở mức 2.5%, cuộc họp tiếp theo của ECB diễn ra vào 29/10.

BOJ tăng lãi suất chính sách thêm 25 điểm cơ bản, từ 1.0% lên 1.25% tại cuộc họp ngày 17-18/9, mức cao nhất kể từ năm 1995, với tỷ lệ biểu quyết 7-2. Đây là lần tăng đầu tiên sau ba tháng, khoảng cách ngắn nhất giữa hai lần tăng kể từ thời kinh tế bong bóng. Thống đốc Ueda cho biết BOJ không ấn định tốc độ tăng lãi suất tiếp theo, đồng thời đồng yên suy yếu sau quyết định.

Chỉ số DXY tăng khoảng 2.0% trong tháng 9, đóng cửa quanh mức 101.45 vào ngày 30/9 (so với 99.43 cuối tháng 8), mức tăng tháng mạnh nhất kể từ tháng 6. Chỉ số xuống mức đóng cửa 98.77 vào ngày 9/9, sau đó tăng 0.66% lên 100.31 trong phiên Fed công bố quyết định ngày 16/9 và chạm 101.61 trong phiên 29/9, mức cao nhất kể từ cuối tháng 7.

**Tốc độ tăng trưởng GDP theo ngành**



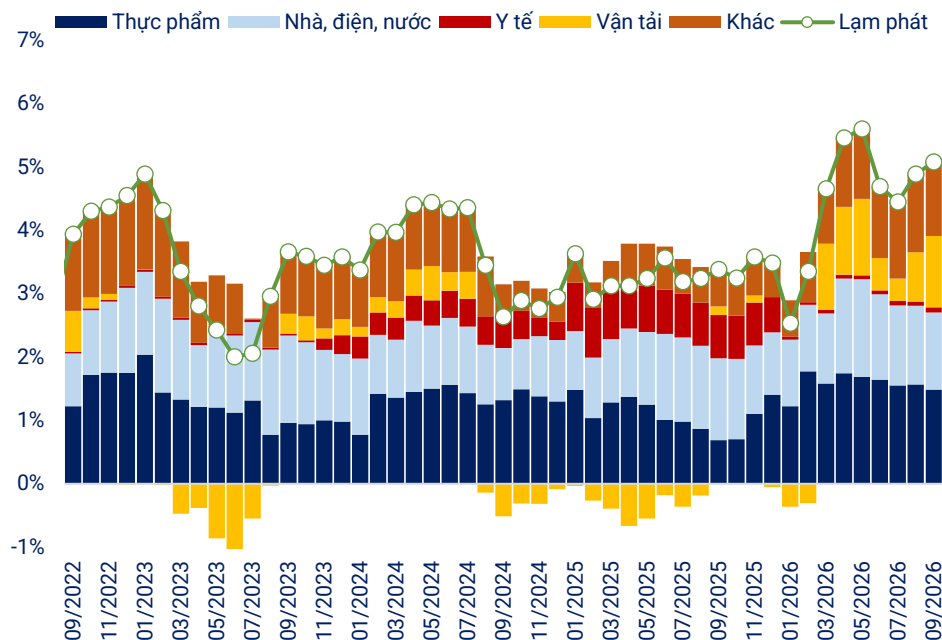
Nguồn: NSO

Theo Tổng cục Thống kê (GSO), GDP quý III/2026 ước tính tăng 9.95% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn mức tăng 8.81% của quý II/2026. Tính chung 9 tháng đầu năm 2026, GDP tăng 9.01% so với cùng kỳ năm 2025.

Xét theo khu vực kinh tế, công nghiệp và xây dựng tăng 12.50%, dịch vụ tăng 9.54%, nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4.21%. Công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 12.28%, là động lực tăng trưởng chủ yếu, đóng góp khoảng 3.19 điểm phần trăm vào mức tăng chung của nền kinh tế.

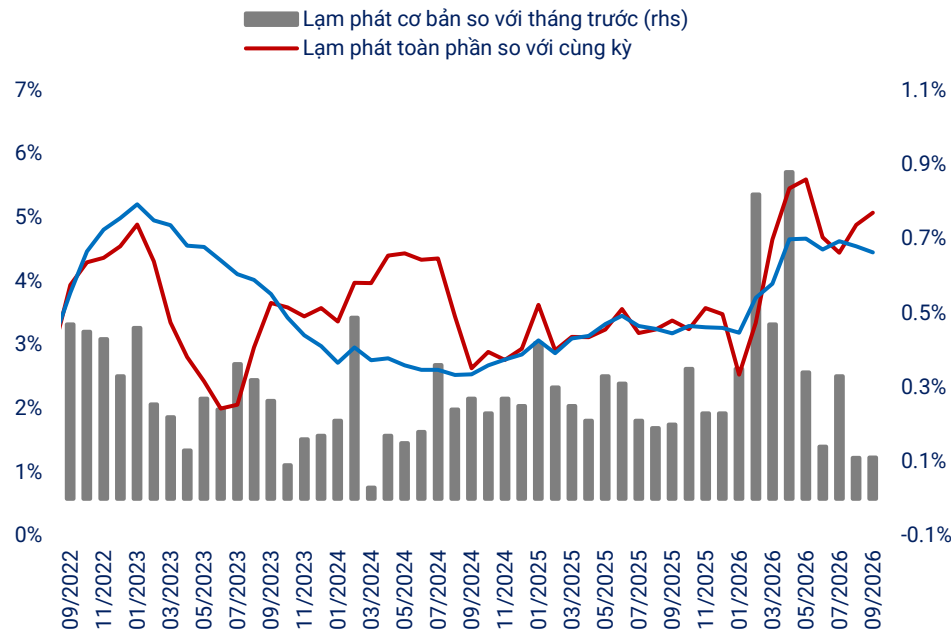
Về thương mại, xuất khẩu hàng hóa quý III đạt 167.85 tỷ USD, tăng 30.40% so với cùng kỳ năm trước; nhập khẩu hàng hóa đạt 170.33 tỷ USD, tăng 42.18%, nhập siêu khoảng 2.48 tỷ USD. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng quý III đạt khoảng 2,038.99 nghìn tỷ đồng, tăng 14.48%.

**Đóng góp vào lạm phát toàn phần**



Nguồn: NSO

**Lạm phát cơ bản và lạm phát toàn phần**



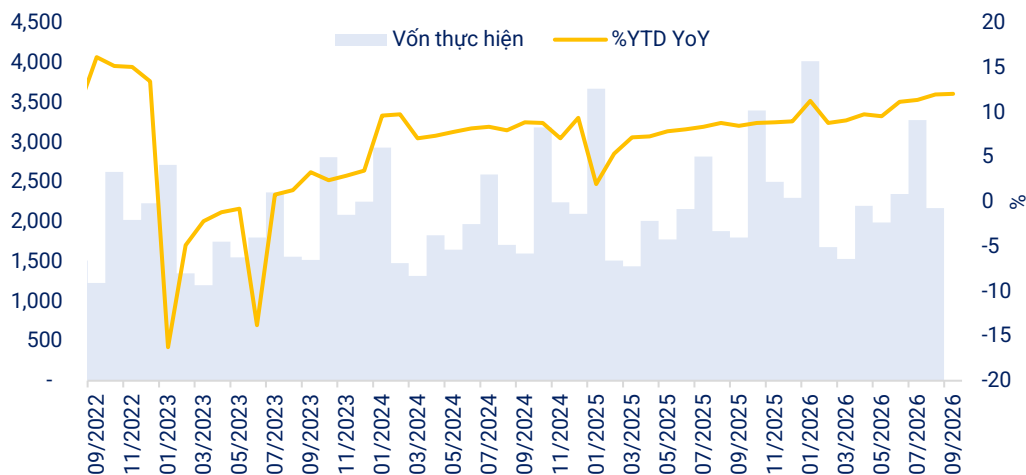
Nguồn: NSO

Theo GSO, CPI tháng 9/2026 tăng 0.62% so với tháng trước, tăng 5.08% so với cùng kỳ năm trước và tăng 4.20% so với tháng 12/2025; bình quân 9 tháng, CPI tăng 4.52% so với cùng kỳ, nhỉnh hơn mục tiêu khoảng 4.5% của Chính phủ.

Đà tăng tháng 9 chủ yếu đến từ nhóm giao thông tăng 3.97%; nhóm giáo dục tăng 1.41% (trong đó dịch vụ giáo dục tăng 1.60%), nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 0.35%, nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 0.28%. Chiều ngược lại, nhóm văn hóa, giải trí và du lịch giảm 0.28%, nhóm thông tin và truyền thông giảm 0.14%, phần nào bù trừ cho mức tăng chung.

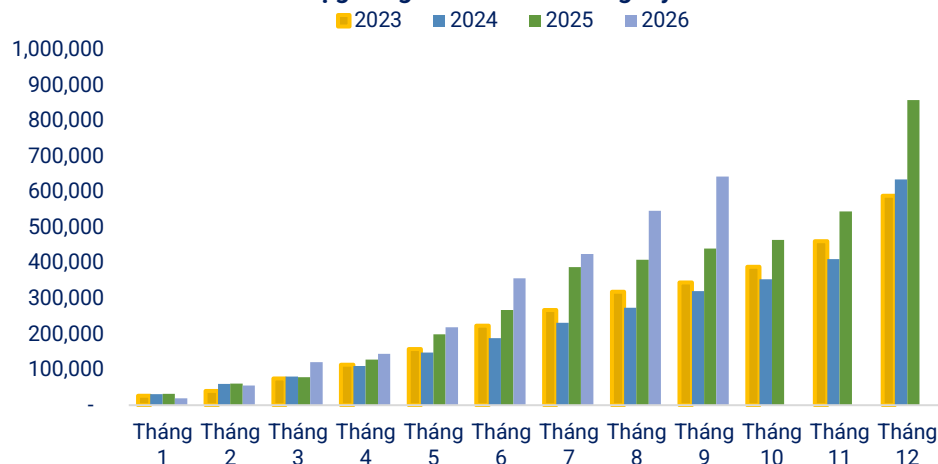
Đáng chú ý, lạm phát cơ bản tháng 9 tăng 0.11% so với tháng trước và 4.45% so với cùng kỳ; bình quân 9 tháng tăng 4.26%, thấp hơn CPI bình quân chung (4.52%), cho thấy phần chênh lệch đến từ các nhóm nằm ngoài rổ lạm phát cơ bản như lương thực, thực phẩm và năng lượng.

**FDI giải ngân (triệu USD)**



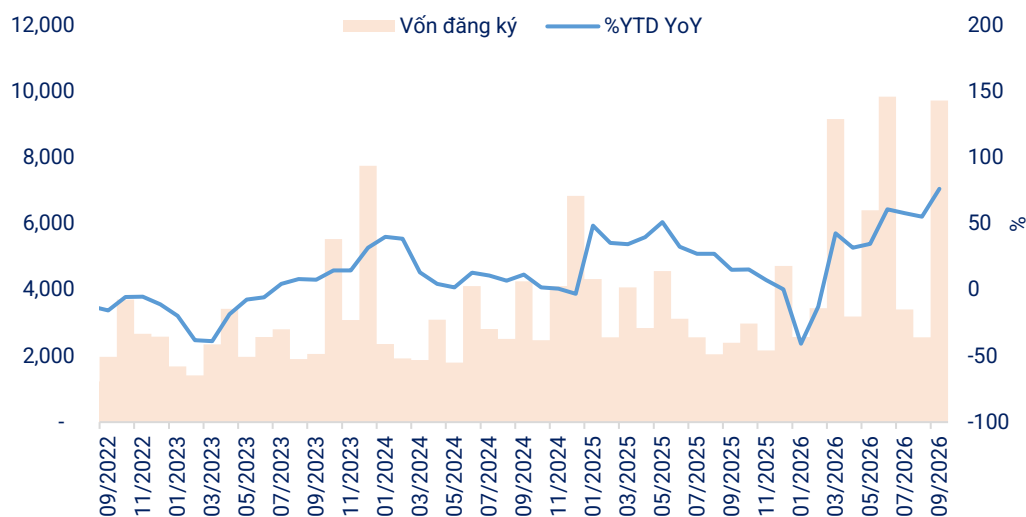
Nguồn: MOF

**Giá trị giải ngân vốn đầu tư công lũy kế**



Nguồn: MOF

**FDI đăng ký (triệu USD)**



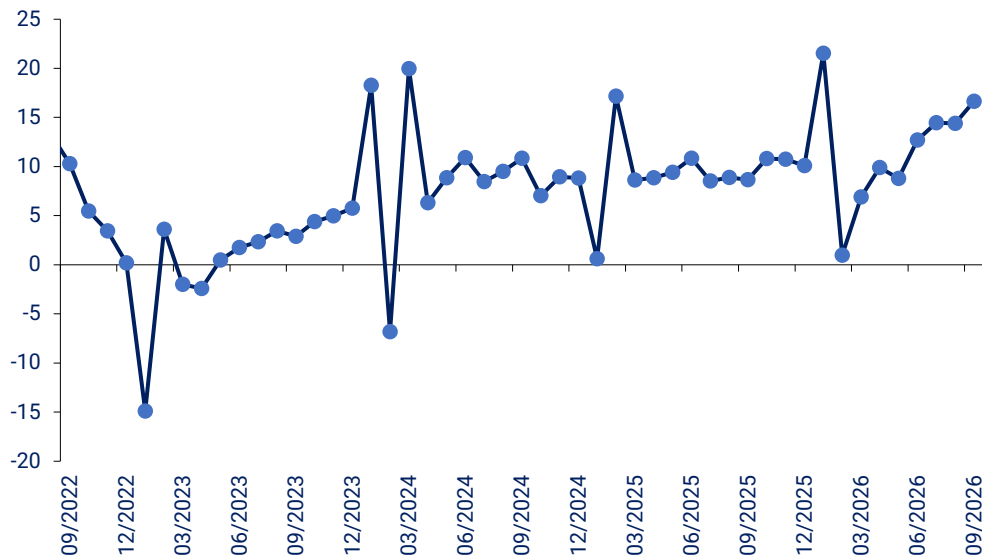
Nguồn: MOF

Tính đến cuối tháng 9 năm 2026, FDI đăng ký đạt 50.36 tỷ USD, tăng 76.4% so với cùng kỳ 2025, FDI giải ngân tăng 12.1% lên 21.07 tỷ USD.

Trong tổng số vốn FDI đăng ký cấp mới 9 tháng đầu năm (29.24 tỷ USD), ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 13.38 tỷ USD (chiếm 45.8% tổng vốn đăng ký cấp mới); vận tải, kho bãi đạt 5.14 tỷ USD (chiếm 17.6%); các ngành còn lại đạt 10.71 tỷ USD (chiếm 36.6%).

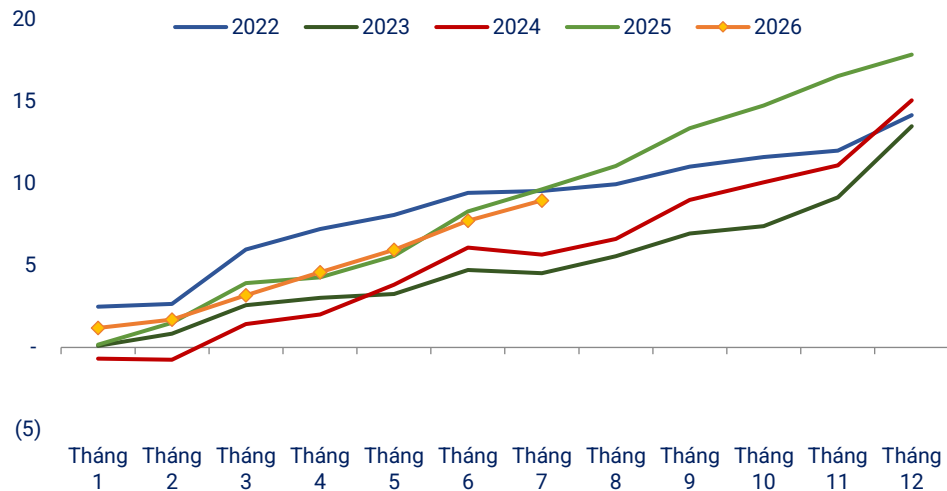
Giá trị giải ngân vốn đầu tư công từ đầu năm đến hết ngày 30/9 đạt 642,962 tỷ đồng, hoàn thành 62.9% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao cả năm (1,022,607 tỷ đồng).

**Tăng trưởng chỉ số sản xuất công nghiệp toàn ngành (%)**



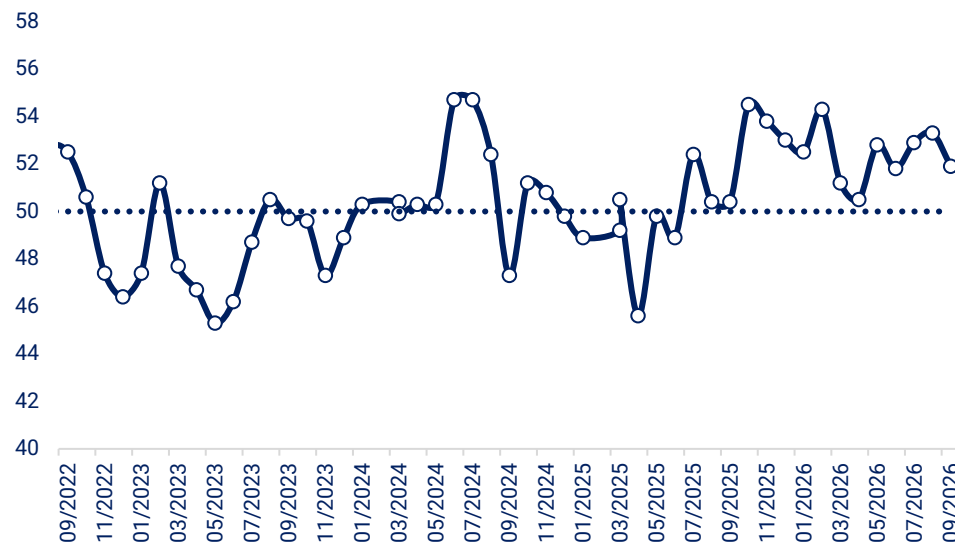
Nguồn: NSO

**Tăng trưởng tín dụng qua các năm**



Nguồn: SBV, NSO

**PMI sản xuất**



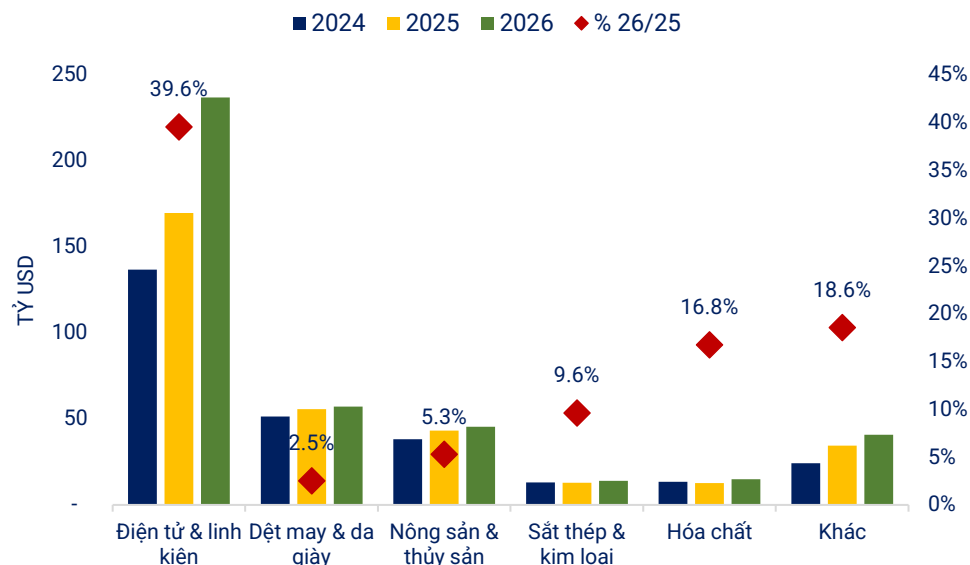
Nguồn: IHS Markit

PMI ngành sản xuất Việt Nam tháng 9/2026 giảm xuống 51.9 điểm từ mức 53.3 điểm của tháng 8, đánh dấu tháng thứ 15 liên tiếp điều kiện kinh doanh được cải thiện nhưng với tốc độ chậm hơn. Theo S&P Global, sản lượng tiếp tục tăng nhưng chậm lại so với tháng 8; số lượng đơn đặt hàng mới tăng với tốc độ yếu nhất trong chuỗi tăng 5 tháng hiện nay, trong khi đơn hàng xuất khẩu giảm tháng thứ hai liên tiếp với tốc độ nhanh nhất kể từ tháng 4 và việc làm giảm tháng thứ hai liên tiếp. Chi phí đầu vào tăng do giá dầu và nhiên liệu, trong khi lạm phát giá bán hạ nhiệt.

Sản xuất công nghiệp tháng 9 tăng 16.65% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 9 tháng đầu năm, IIP tăng 12.33% so với cùng kỳ, trong đó chế biến, chế tạo tăng 12.93%, sản xuất và phân phối điện tăng 10.56% và cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 9.26%.

Tăng trưởng dư nợ tín dụng toàn nền kinh tế tính đến ngày 30/9 đạt 11.59% so với cuối năm 2025.

**Kim ngạch xuất khẩu lũy kế**

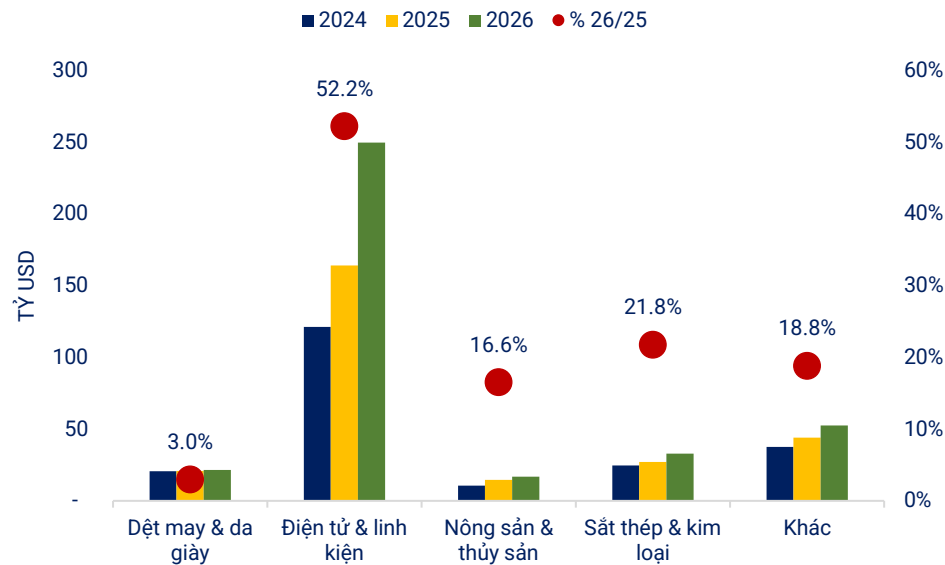


Nguồn: NSO

Trong tháng 9, xuất khẩu hàng hóa ước đạt 59.477 tỷ USD, tăng 8.5% so với tháng trước; nhập khẩu ước đạt 58.207 tỷ USD, tăng 6.0% so với tháng trước. Cán cân thương mại tháng 9 xuất siêu 1.271 tỷ USD.

Tính chung 9 tháng năm 2026, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 888.01 tỷ USD, tăng 30.5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 24.5% và nhập khẩu tăng 36.7%. Cán cân thương mại 9 tháng nhập siêu 19.42 tỷ USD. Về thị trường, Hoa Kỳ vẫn là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch 9 tháng đạt 140.0 tỷ USD. Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất với kim ngạch 9 tháng đạt 187.34 tỷ USD.

**Kim ngạch nhập khẩu lũy kế**



Nguồn: NSO

| 9 tháng năm 2026   | Giá trị (tỷ USD) | So với cùng kỳ |
|--------------------|------------------|----------------|
| Tổng kim ngạch XNK | 888.01           | +30.5%         |
| Xuất khẩu          | 434.296          | +24.5%         |
| Nhập khẩu          | 453.715          | +36.7%         |
| Cán cân thương mại | - 19.419         |                |

### THỊ TRƯỜNG SƠ CẤP

| Trái phiếu chính phủ    | T9/2026       | T8/2026       | T9/2025       | %MoM           | %YoY           | 9T 2026        | 9T 2025        | %YoY         | % KH Năm     |
|-------------------------|---------------|---------------|---------------|----------------|----------------|----------------|----------------|--------------|--------------|
| Kỳ hạn 3 năm            | 0             | 0             | 0             | -              | -              | 545            | 0              | -            | -            |
| Kỳ hạn 5 năm            | 25,651        | 14,207        | 1,150         | 80.56%         | 2130.54%       | 75,663         | 25,900         | 192.1%       | 75.7%        |
| Kỳ hạn 7 năm            | 0             | 0             | 0             | -              | -              | 0              | 0              | -            | 0.0%         |
| Kỳ hạn 10 năm           | 41,569        | 12,950        | 15,730        | 221.00%        | 164.27%        | 215,869        | 215,147        | 0.3%         | 93.9%        |
| Kỳ hạn 15 năm           | 0             | 550           | 0             | -100.00%       | -              | 3,250          | 11,150         | -70.9%       | 3.8%         |
| Kỳ hạn 20 năm           | 0             | 0             | 0             | -              | -              | 0              | 500            | -100.0%      | 0.0%         |
| Kỳ hạn 30 năm           | 85            | 50            | 95            | 70.00%         | -10.53%        | 900            | 2,993          | -69.9%       | 3.6%         |
| <b>Tổng TPCP</b>        | <b>67,305</b> | <b>27,757</b> | <b>16,975</b> | <b>142.48%</b> | <b>296.50%</b> | <b>296,227</b> | <b>255,689</b> | <b>15.9%</b> | <b>59.2%</b> |
| Trái phiếu doanh nghiệp | T9/2026       | T8/2026       | T9/2025       | %MoM           | %YoY           | 9T 2026        | 9T 2025        | %YoY         |              |
| Riêng lẻ                | 42,190        | 58,069        | 50,070        | -27%           | -16%           | 370,572        | 376,468        | -2%          |              |
| Công chúng              | 4,917         | 6,400         | 499           | -23%           | 885%           | 57,955         | 48,284         | 20%          |              |
| <b>Tổng TPDN</b>        | <b>47,107</b> | <b>64,469</b> | <b>50,569</b> | <b>-27%</b>    | <b>-7%</b>     | <b>428,527</b> | <b>424,752</b> | <b>1%</b>    |              |

### THỊ TRƯỜNG THỨ CẤP

| Trái phiếu chính phủ    | T9/2026        | T8/2026        | T9/2025        | %MoM         | %YoY         | 9T 2026          | 9T 2025          | %YoY         |  |
|-------------------------|----------------|----------------|----------------|--------------|--------------|------------------|------------------|--------------|--|
| Outright                | 285,645        | 233,808        | 240,613        | 22.2%        | 18.7%        | 2,238,124        | 1,943,170        | 15.2%        |  |
| Repo                    | 149,882        | 109,758        | 94,815         | 36.6%        | 58.1%        | 872,830          | 815,894          | 7.0%         |  |
| <b>Tổng TPCP</b>        | <b>435,527</b> | <b>343,566</b> | <b>335,428</b> | <b>26.8%</b> | <b>29.8%</b> | <b>3,110,954</b> | <b>2,759,064</b> | <b>12.8%</b> |  |
| Trái phiếu doanh nghiệp | T9/2026        | T8/2026        | T9/2025        | %MoM         | %YoY         | 9T 2026          | 9T 2025          | %YoY         |  |
|                         | 148,581        | 129,013        | 151,007        | 15.17%       | -1.6%        | 1,189,027        | 1,009,726        | 17.8%        |  |

**TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH TRONG THÁNG 9/2026**

| <b>TỔ CHỨC PHÁT HÀNH</b>                           | <b>NGÀNH</b> | <b>GTPH<br/>(tỷ đồng)</b> | <b>MÃ TP</b> | <b>PHƯƠNG<br/>THỨC PH</b> | <b>NGÀY PHÁT<br/>HÀNH</b> | <b>LÃI SUẤT</b>                                                                                                            | <b>KỲ HẠN<br/>(năm)</b> |
|----------------------------------------------------|--------------|---------------------------|--------------|---------------------------|---------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| CTCP VINHOMES                                      | BẤT ĐỘNG SẢN | 2000                      | VHML12617    | RIÊNG LẺ                  | 4/9/2026                  | 04 KỲ ĐẦU: 12.0%/NĂM CÁC KỲ SAU:<br>LSTC + 6.1%/NĂM (TỐI THIỂU<br>12.0%/NĂM, TỐI ĐA 13.0%/NĂM)                             | 2                       |
| CT TNHH KN CAM RANH                                | BẤT ĐỘNG SẢN | 800                       | KNCL12602    | RIÊNG LẺ                  | 4/9/2026                  | 02 KỲ ĐẦU: 11.5%/NĂM CÁC KỲ SAU:<br>LSTC + 2.0%/NĂM                                                                        | 5                       |
| NHTMCP ĐẦU TƯ VÀ<br>PHÁT TRIỂN VIỆT NAM            | NGÂN HÀNG    | 1099.955                  | BIDL2633007C | CÔNG CHỨNG                | 9/9/2026                  | BQLSTKCN 12T VNĐ (AGRIBANK, VCB,<br>CTG, BIDV - HN) + 2,25%/NĂM; TRƯỜNG<br>HỢP KHÔNG MUA LẠI: + 4,75%/NĂM (02<br>NĂM CUỐI) | 7                       |
| NHTMCP ĐẦU TƯ VÀ<br>PHÁT TRIỂN VIỆT NAM            | NGÂN HÀNG    | 1553.415                  | BIDL2634008C | CÔNG CHỨNG                | 9/9/2026                  | BQLSTKCN 12T VNĐ (AGRIBANK, VCB,<br>CTG, BIDV - HN) + 2,30%/NĂM; TRƯỜNG<br>HỢP KHÔNG MUA LẠI: + 3,97%/NĂM (03<br>NĂM CUỐI) | 8                       |
| NHTMCP ĐẦU TƯ VÀ<br>PHÁT TRIỂN VIỆT NAM            | NGÂN HÀNG    | 1680.234                  | BIDL2636009C | CÔNG CHỨNG                | 9/9/2026                  | BQLSTKCN 12T VNĐ (AGRIBANK, VCB,<br>CTG, BIDV - HN) + 2,25%/NĂM; TRƯỜNG<br>HỢP KHÔNG MUA LẠI: + 3,25%/NĂM (05<br>NĂM CUỐI) | 10                      |
| NHTMCP ĐẠI CHỨNG VIỆT<br>NAM                       | NGÂN HÀNG    | 750                       | PCBL12603    | RIÊNG LẺ                  | 11/9/2026                 | BQLSTKCN 12T VNĐ (CTG, BIDV, VCB,<br>AGRIBANK) + 3.7%/NĂM                                                                  | 7                       |
| NHTMCP ĐẦU TƯ VÀ<br>PHÁT TRIỂN VIỆT NAM            | NGÂN HÀNG    | 200                       | BIDL12622    | RIÊNG LẺ                  | 9/14/2026                 | BQLSTKCN 24T VNĐ (AGRIBANK, CTG,<br>VCB, BIDV) + 2.2%/NĂM; TRƯỜNG HỢP<br>KHÔNG MUA LẠI: + 7.2%/NĂM (TỪ KỲ<br>THỨ 06)       | 6                       |
| NHTMCP Á CHÂU                                      | NGÂN HÀNG    | 200                       | ACBL12604    | RIÊNG LẺ                  | 9/9/2026                  | 8.5%/NĂM                                                                                                                   | 10                      |
| CTCP DỊCH VỤ CAO ỐC<br>MASTERISE LUMIERE<br>OFFICE | BẤT ĐỘNG SẢN | 7000                      | MLOL12601    | RIÊNG LẺ                  | 10/9/2026                 | 04 KỲ ĐẦU: 10.6%/NĂM CÁC KỲ SAU:<br>BQLSTKCN 12T VNĐ (MB, VPB, ACB, TCB)<br>+ 4.0%/NĂM (TỐI THIỂU 10.6%/NĂM)               | 4                       |
| CTCP PHÁT TRIỂN BẤT<br>ĐỘNG SẢN HƯNG LONG          | BẤT ĐỘNG SẢN | 2000                      | HULL12603    | RIÊNG LẺ                  | 10/9/2026                 | 08 KỲ ĐẦU: 10%/NĂM CÁC KỲ SAU:<br>BQLSTKCN 12T VNĐ (MB, VPB, ACB, TCB)<br>+ 3.4%/NĂM (TỐI THIỂU 10%/NĂM)                   | 3                       |

## TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH TRONG THÁNG 9/2026

| TỔ CHỨC PHÁT HÀNH                       | NGÀNH     | GTPH<br>(tỷ đồng) | MÃ TP     | PHƯƠNG<br>THỨC PH | NGÀY PHÁT<br>HÀNH | LÃI SUẤT                                                                                                               | KỶ HẠN<br>(năm) |
|-----------------------------------------|-----------|-------------------|-----------|-------------------|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| NHTMCP ĐẦU TƯ VÀ<br>PHÁT TRIỂN VIỆT NAM | NGÂN HÀNG | 150               | BIDL12620 | RIÊNG LẺ          | 4/9/2026          | 8%/NĂM                                                                                                                 | 14              |
| CTCP Thuận Đức                          | TIÊU DÙNG | 350               | TDP262901 | CÔNG CHỨNG        | 10/9/2026         | 04 KỶ ĐẦU: 11,0%/NĂM CÁC KỶ SAU:<br>BQLSTKCN 12T VNĐ (BIDV, CTG, VCB,<br>AGRIBANK) + 3,8%/NĂM (TỐI THIỂU<br>10,0%/NĂM) | 3               |
| NHTMCP TIỀN PHONG                       | NGÂN HÀNG | 1000              | TPBL12615 | RIÊNG LẺ          | 18/9/2026         | 9.1%/NĂM                                                                                                               | 3               |
| NHTMCP TIỀN PHONG                       | NGÂN HÀNG | 550               | TPBL12614 | RIÊNG LẺ          | 18/9/2026         | 9%/NĂM                                                                                                                 | 3               |
| NHTMCP PHƯƠNG ĐÔNG                      | NGÂN HÀNG | 2000              | OCBL12608 | RIÊNG LẺ          | 17/9/2026         | 9%/NĂM                                                                                                                 | 2               |
| NHTMCP QUỐC TẾ VIỆT<br>NAM              | NGÂN HÀNG | 3000              | VIBL12605 | RIÊNG LẺ          | 16/9/2026         | 8.9%/NĂM                                                                                                               | 3               |
| NHTMCP ĐẠI CHỨNG VIỆT<br>NAM            | NGÂN HÀNG | 250               | PCBL12605 | RIÊNG LẺ          | 18/9/2026         | BQLSTKCN 12T VNĐ (CTG, BIDV, VCB,<br>AGRIBANK) + 3.7%/NĂM                                                              | 7               |
| NHTMCP TIỀN PHONG                       | NGÂN HÀNG | 350               | TPBL12613 | RIÊNG LẺ          | 16/9/2026         | BQLSTKCN 12T VNĐ (BIDV, VCB, CTG,<br>AGRIBANK) + 3.8%/NĂM                                                              | 10              |
| CTCP TẬP ĐOÀN TRƯỜNG<br>HẢI             | TIÊU DÙNG | 2000              | THCL12601 | RIÊNG LẺ          | 15/9/2026         | KỶ ĐẦU: 11.75%/NĂM CÁC KỶ SAU: LSTC<br>+ 5.5%/NĂM (TỐI THIỂU 11.75%/NĂM)                                               | 3               |
| NHTMCP TIỀN PHONG                       | NGÂN HÀNG | 450               | TPBL12612 | RIÊNG LẺ          | 15/9/2026         | 9.1%/NĂM                                                                                                               | 3               |
| NHTMCP ĐẦU TƯ VÀ<br>PHÁT TRIỂN VIỆT NAM | NGÂN HÀNG | 110               | BIDL12623 | RIÊNG LẺ          | 17/9/2026         | BQLSTKCN 24T VNĐ (AGRIBANK, CTG,<br>VCB, BIDV) + 2.2%/NĂM; TRƯỜNG HỢP<br>KHÔNG MUA LẠI: + 7.2%/NĂM (TỪ KỶ<br>THỨ 06)   | 6               |

## TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH TRONG THÁNG 9/2026

| TỔ CHỨC PHÁT HÀNH         | NGÀNH        | GTPH<br>(tỷ đồng) | MÃ TP     | PHƯƠNG<br>THỨC PH | NGÀY PHÁT<br>HÀNH | LÃI SUẤT                                                                           | KỶ HẠN<br>(năm) |
|---------------------------|--------------|-------------------|-----------|-------------------|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| CTCP CHỨNG KHOÁN ĐẦU KHÍ  | CHỨNG KHOÁN  | 30                | PSIL12601 | RIÊNG LẺ          | 7/9/2026          | 9.95%/NĂM                                                                          | 2               |
| NHTMCP NAM Á              | NGÂN HÀNG    | 100               | NAB12606  | RIÊNG LẺ          | 4/9/2026          | LSTC + 3.7%/NĂM                                                                    | 7               |
| CTCP KINH DOANH F88       | TÀI CHÍNH    | 233.5             | F88C12603 | CÔNG CHỨNG        | 21/9/2026         | 10%/NĂM                                                                            | 2               |
| NHTMCP ĐẠI CHỨNG VIỆT NAM | NGÂN HÀNG    | 200               | PCBL12604 | RIÊNG LẺ          | 17/9/2026         | BQLSTKCN 12T VNĐ (CTG, BIDV, VCB, AGRIBANK) + 4.6%/NĂM                             | 10              |
| NHTMCP TIỀN PHONG         | NGÂN HÀNG    | 100               | TPBL12616 | RIÊNG LẺ          | 23/9/2026         | BQLSTKCN 12T VNĐ (BIDV, VCB, CTG, AGRIBANK) + 3.6%/NĂM                             | 10              |
| NHTMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM | NGÂN HÀNG    | 2000              | TCBL12615 | RIÊNG LẺ          | 28/9/2026         | 8.8%/NĂM                                                                           | 3               |
| CTCP VINHOMES             | BẤT ĐỘNG SẢN | 8000              | VHML12618 | RIÊNG LẺ          | 24/9/2026         | 04 KỶ ĐẦU: 12%/NĂM CÁC KỶ SAU: LSTC + 6.1%/NĂM (TỐI THIỂU 11%/NĂM, TỐI ĐA 13%/NĂM) | 2               |
| NHTMCP ĐẠI CHỨNG VIỆT NAM | NGÂN HÀNG    | 800               | PCBL12607 | RIÊNG LẺ          | 29/9/2026         | BQLSTKCN 12T VNĐ (CTG, BIDV, VCB, AGRIBANK) + 3.7%/NĂM                             | 7               |
| NHTMCP ĐẠI CHỨNG VIỆT NAM | NGÂN HÀNG    | 500               | PCBL12606 | RIÊNG LẺ          | 21/9/2026         | BQLSTKCN 12T VNĐ (CTG, BIDV, VCB, AGRIBANK) + 3.7%/NĂM                             | 7               |
| NHTMCP QUÂN ĐỘI           | NGÂN HÀNG    | 1000              | MBBL12629 | RIÊNG LẺ          | 23/9/2026         | LSTC + 3.1%/NĂM; TRƯỜNG HỢP KHÔNG MUA LẠI: + 4%/NĂM (TỪ NĂM THỨ 06)                | 6               |
| NHTMCP QUÂN ĐỘI           | NGÂN HÀNG    | 750               | MBBL12628 | RIÊNG LẺ          | 22/9/2026         | LSTC + 3.1%/NĂM; TRƯỜNG HỢP KHÔNG MUA LẠI: + 4%/NĂM (TỪ NĂM THỨ 06)                | 6               |
| NHTMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM | NGÂN HÀNG    | 1500              | TCBL12614 | RIÊNG LẺ          | 24/9/2026         | 9%/NĂM                                                                             | 3               |

TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH TRONG THÁNG 9/2026

| TỔ CHỨC PHÁT HÀNH                          | NGÀNH     | GTPH<br>(tỷ đồng) | MÃ TP     | PHƯƠNG<br>THỨC PH | NGÀY PHÁT<br>HÀNH | LÃI SUẤT                                                                                                             | KỶ HẠN<br>(năm) |
|--------------------------------------------|-----------|-------------------|-----------|-------------------|-------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| NHTMCP KỸ THƯƠNG<br>VIỆT NAM               | NGÂN HÀNG | 1500              | TCBL12613 | RIÊNG LẺ          | 24/9/2026         | 9%/NĂM                                                                                                               | 3               |
| NHTMCP ĐẦU TƯ VÀ<br>PHÁT TRIỂN VIỆT NAM    | NGÂN HÀNG | 200               | BIDL12626 | RIÊNG LẺ          | 22/9/2026         | 8.2%/NĂM                                                                                                             | 5               |
| NHTMCP ĐẦU TƯ VÀ<br>PHÁT TRIỂN VIỆT NAM    | NGÂN HÀNG | 500               | BIDL12624 | RIÊNG LẺ          | 18/9/2026         | 8.2%/NĂM                                                                                                             | 5               |
| NHTMCP PHÁT TRIỂN<br>THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | NGÂN HÀNG | 2000              | HDBL12614 | RIÊNG LẺ          | 21/9/2026         | 8.7%/NĂM                                                                                                             | 3               |
| NHTMCP ĐẦU TƯ VÀ<br>PHÁT TRIỂN VIỆT NAM    | NGÂN HÀNG | 200               | BIDL12625 | RIÊNG LẺ          | 21/9/2026         | BQLSTKCN 24T VNĐ (AGRIBANK, CTG,<br>VCB, BIDV) + 2.2%/NĂM; TRƯỜNG HỢP<br>KHÔNG MUA LẠI: + 7.2%/NĂM (TỪ KỶ<br>THỨ 06) | 6               |

10 MÃ TRÁI PHIẾU CÓ GTGD OUTRIGHT LỚN NHẤT TRONG THÁNG

| STT | Tổ chức phát hành | Mã trái phiếu | GTGD<br>(Tỷ đồng) | Kỳ hạn gốc<br>(Năm) | Kỳ hạn còn lại<br>(Năm) | Vùng lợi suất giao dịch<br>(%/năm) |
|-----|-------------------|---------------|-------------------|---------------------|-------------------------|------------------------------------|
| 1   | KBNN              | TD2151043     | 39,481            | 30                  | 24.88                   | 4.7552 - 4.7987                    |
| 2   | KBNN              | TD2636024     | 32,632            | 10                  | 9.79                    | 2.7969 - 4.4414                    |
| 3   | KBNN              | TD1747410     | 31,983            | 30                  | 20.43                   | 4.5208 - 4.6139                    |
| 4   | KBNN              | TD2631008     | 22,693            | 5                   | 4.29                    | 4.0407 - 4.172                     |
| 5   | KBNN              | TD2353151     | 18,460            | 30                  | 26.45                   | 4 - 4.78                           |
| 6   | KBNN              | TD2131012     | 9,728             | 10                  | 4.27                    | 3.0299 - 4.1026                    |
| 7   | KBNN              | TD2636021     | 8,707             | 10                  | 9.25                    | 2.7969 - 4.02                      |
| 8   | KBNN              | TD2434024     | 8,174             | 10                  | 7.78                    | 2.6999 - 3.2134                    |
| 9   | KBNN              | TD2636023     | 7,726             | 10                  | 9.54                    | 3.7973 - 4.2842                    |
| 10  | KBNN              | TD2030135     | 7,260             | 10                  | 4.19                    | 3 - 4.3556                         |

LỊCH THANH TOÁN TPCP THÁNG 10 - 2026

| STT | Mã trái phiếu | Kỳ hạn (Năm) | Mệnh giá (tỷ) | Ngày phát hành | Ngày thanh toán | Lãi suất (%) | Tiền lãi thanh toán (tỷ) | Tiền gốc thanh toán (tỷ) | Tổng lãi và gốc (tỷ) |
|-----|---------------|--------------|---------------|----------------|-----------------|--------------|--------------------------|--------------------------|----------------------|
| 1   | TD1429095     | 15           | 3,008         | 15/10/2014     | 15/10/2026      | 7.0          | 211                      | 0                        | 211                  |
| 2   | TD1646503     | 30           | 7,375         | 13/10/2016     | 13/10/2026      | 7.9          | 583                      | 0                        | 583                  |
| 3   | TD1934192     | 15           | 14,095        | 17/10/2019     | 17/10/2026      | 4.0          | 564                      | 0                        | 564                  |
| 4   | TD2027010     | 7            | 250           | 29/10/2020     | 29/10/2026      | 1.5          | 4                        | 0                        | 4                    |
| 5   | TD2035027     | 15           | 13,442        | 15/10/2020     | 15/10/2026      | 2.7          | 363                      | 0                        | 363                  |
| 6   | TD2050036     | 30           | 8,638         | 15/10/2020     | 15/10/2026      | 3.2          | 276                      | 0                        | 276                  |
| 7   | TD2126162     | 5            | 920           | 28/10/2021     | 28/10/2026      | 0.8          | 7                        | 920                      | 927                  |
| 8   | TD2131016     | 10           | 19,156        | 6/10/2021      | 6/10/2026       | 2.2          | 421                      | 0                        | 421                  |
| 9   | TD2136027     | 15           | 17,030        | 6/10/2021      | 6/10/2026       | 2.4          | 409                      | 0                        | 409                  |
| 10  | TD2232111     | 10           | 20,740        | 20/10/2022     | 20/10/2026      | 3.8          | 788                      | 0                        | 788                  |
| 11  | TD2237125     | 15           | 13,275        | 13/10/2022     | 13/10/2026      | 3.8          | 504                      | 0                        | 504                  |
| 12  | TD2338137     | 15           | 15,350        | 19/10/2023     | 19/10/2026      | 2.6          | 399                      | 0                        | 399                  |
| 13  | TD2434027     | 10           | 24,820        | 24/10/2024     | 24/10/2026      | 2.6          | 645                      | 0                        | 645                  |



# INTERBANK OFFSITE 2026

## SPONSORS FOR INTERBANK OFFSITE 2026

DIAMOND SPONSOR  
NHÀ TÀI TRỢ KIM CƯƠNG



PLATINUM SPONSOR  
NHÀ TÀI TRỢ BẠCH KIM



GOLD SPONSOR  
NHÀ TÀI TRỢ VÀNG



Cám ơn quý vị đã đọc Báo cáo thị trường trái phiếu của VBMA. Nếu quý vị cần biết thêm thông tin chi tiết, xin vui lòng liên hệ:

### HIỆP HỘI THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU VIỆT NAM

Tầng 17, Gelex Tower, Số 52 Phố Lê Đại Hành, Hà Nội

**Điện thoại:** (84) 24 3974 8781

**Fax:** (84) 4 3974 8782

**Website:** <https://vbma.org.vn/>

### QUYỀN MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Những thông tin và quan điểm được trình bày trong Báo cáo này là kết quả của hoạt động nghiên cứu của Hiệp hội Thị trường Trái phiếu Việt Nam (VBMA). VBMA không cam kết hay đảm bảo về tính chính xác hay đầy đủ của các thông tin này. VBMA không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất, thua lỗ nào phát sinh do sử dụng báo cáo này và các thông tin trong đó. Báo cáo này được thực hiện đơn thuần nhằm mục đích cung cấp thông tin và người xem không được phép sao chép, phân phối hay xuất bản vì bất cứ mục đích gì.